

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Nam Định

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 31/5/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Nam Định;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 300/TTr-SNN ngày 26/01/2024 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 487/TTr-SNV ngày 07/3/2024 về việc thành lập Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Nam Định.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Nam Định (sau đây gọi tắt là Quỹ) trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Nam Định.

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; tổ chức, hoạt động theo loại hình đơn vị sự nghiệp công lập. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng và Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Phê duyệt và ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Nam Định.

Điều 3. - Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Nội vụ, Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Công báo tỉnh, Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VP1, VP3, VP8

Handwritten signature

CHỦ TỊCH



Phạm Đình Nghị

ĐIỀU LỆ

VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG TỈNH NAM ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 3 năm 2024

của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều lệ này quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, nguồn tài chính và nguyên tắc hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Nam Định.

Điều 2. Vị trí pháp lý

1. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Nam Định (sau đây gọi là Quỹ) chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp về tổ chức và hoạt động của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Ngân hàng và Kho bạc theo quy định của pháp luật.

2. Trụ sở của Quỹ: Tại Chi cục Kiểm lâm tỉnh Nam Định; địa chỉ: Số 196, phường Trần Tế Xương, đường Cù Chính Lan, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

3. Tên gọi của Quỹ: Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Nam Định.

4. Tên giao dịch Quốc tế: Nam Định Provinces Forest Protection and Development Fund.

5. Tên viết tắt: Nam Dinh PFPDF.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động

1. Hoạt động không vì mục đích lợi nhuận.

2. Bảo đảm kế hoạch hoạt động của bộ máy quản lý Quỹ theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

3. Chi hỗ trợ cho các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án liên quan đến bảo vệ và phát triển rừng mà ngân sách Nhà nước chưa đầu tư hoặc chưa đáp ứng yêu cầu đầu tư.

4. Bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả; quản lý, sử dụng đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương II CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

Điều 4. Chức năng

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Nam Định là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; tổ chức, hoạt động theo loại hình đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Quỹ được thành lập trên cơ sở

nhu cầu và khả năng huy động các nguồn tài chính để phục vụ công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng.

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn

a) Rà soát, ký kết hợp đồng, tiếp nhận và quản lý nguồn tiền ủy thác chi trả dịch vụ môi trường rừng;

b) Vận động, tiếp nhận và quản lý các nguồn tài chính ủy thác khác; nguồn viện trợ, tài trợ, đóng góp tự nguyện, của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước; nguồn tài chính hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước;

c) Tiếp nhận, quản lý tiền trồng rừng thay thế;

d) Đại diện cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng ký hợp đồng với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng phải trả tiền ủy thác về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh;

đ) Làm đầu mối giúp cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức kiểm tra, giám sát việc quản lý sử dụng kinh phí quản lý, việc thanh toán tiền cho các hộ nhận khoán bảo vệ rừng của các chủ rừng có khoán bảo vệ rừng;

e) Tổ chức thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các chương trình, dự án và các hoạt động phi dự án do Quỹ hỗ trợ;

g) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các đối tượng được hưởng nguồn tài chính do Quỹ hỗ trợ;

h) Thực hiện các quy định của pháp luật về tài chính, thống kê, kế toán và kiểm toán; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng Quỹ cho cấp có thẩm quyền;

i) Kiến nghị với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành, bổ sung, sửa đổi các quy định về đối tượng, hoạt động được hỗ trợ từ Quỹ;

k) Báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam về tình hình thu chi tiền dịch vụ môi trường rừng của địa phương hàng năm theo quy định của pháp luật;

l) Thực hiện tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật có liên quan;

m) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao theo quy định của pháp luật.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA QUỸ

Điều 6. Cơ cấu tổ chức

1. Tổ chức của Quỹ gồm: Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ, Ban Điều hành Quỹ.

2. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định thành lập Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ và Ban Điều hành Quỹ.

Điều 7. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ có 05 người gồm: Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ

là Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phụ trách lĩnh vực lâm nghiệp, các ủy viên gồm: Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Chánh Thanh tra sở và Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm.

2. Hội đồng quản lý Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

3. Nhiệm kỳ của ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ không quá 05 năm; ủy viên của hội đồng quản lý Quỹ có thể được bổ nhiệm lại theo quy định.

Điều 8. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện tiếp nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn tài chính của Quỹ theo quy định.

2. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch tài chính gồm: Kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng và các nguồn tài chính khác; dự toán chi hoạt động của Quỹ. Lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán hiện hành.

3. Giám sát, kiểm tra Ban Điều hành Quỹ trong việc thực hiện các quy định của pháp luật, quy chế hoạt động, các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Đề xuất khen thưởng, kỷ luật đối với các thành viên Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành theo quy định của pháp luật.

5. Sử dụng con dấu của Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ.

6. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ và hoạt động của Quỹ trong phạm vi, quyền hạn được giao.

Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ

1. Điều hành, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý theo quy định.

2. Tổ chức việc giám sát và đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu chiến lược, kết quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập; kết quả quản lý điều hành của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Chỉ đạo xây dựng kế hoạch hoạt động theo nhiệm kỳ và hàng năm, hàng quý của Hội đồng quản lý; lãnh đạo thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản lý.

4. Triệu tập, chủ trì các cuộc họp Hội đồng quản lý; chỉ đạo chuẩn bị các chương trình, tài liệu cuộc họp hoặc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản lý.

5. Ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý theo quy định.

6. Phân công nhiệm vụ và giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng quản lý.

7. Thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản lý và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý.

Điều 10. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số. Quyết định của Hội đồng quản lý được thể hiện bằng hình thức Nghị quyết. Nghị quyết của Hội đồng quản lý được thông qua khi có ít nhất hai phần ba số thành viên Hội đồng quản lý tham dự biểu quyết nhất trí thông qua. Hình thức biểu quyết được quy định cụ thể trong Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý.

2. Hội đồng quản lý Quỹ họp định kỳ theo Quy chế hoạt động; họp đột xuất, bất thường theo yêu cầu công việc; đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập hoặc theo đề nghị bằng văn bản của đa số thành viên Hội đồng quản lý. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ được coi là họp lệ khi có ít nhất hai phần ba số thành viên Hội đồng tham dự, trong đó phải có Chủ tịch Hội đồng hoặc 01 thành viên của Hội đồng quản lý được Chủ tịch Hội đồng phân công hoặc ủy quyền điều hành cuộc họp.

3. Hội đồng quản lý hoạt động theo quy chế hoạt động được cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng quản lý phê duyệt.

4. Hội đồng quản lý được sử dụng con dấu của Quỹ để triển khai công việc của Hội đồng quản lý.

Điều 11. Ban Kiểm soát Quỹ

Ban Kiểm soát có 03 thành viên, giúp Hội đồng quản lý Quỹ giám sát hoạt động của bộ máy điều hành, Ban Kiểm soát hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, gồm: Trưởng ban là Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các ủy viên là đại diện các phòng chuyên môn thuộc Sở.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát Quỹ

1. Ban Kiểm soát giúp Hội đồng quản lý Quỹ kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Quỹ.

2. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật về công tác tài chính, kế toán, kiểm toán của Quỹ.

3. Báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính của Quỹ định kỳ hàng năm và theo vụ việc.

4. Kịp thời phát hiện và báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ những hoạt động không bình thường, có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc các vi phạm trong việc quản lý tài chính của bộ máy điều hành Quỹ.

5. Không được tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận.

6. Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ phải chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật nếu có hành vi bao che, bỏ qua các hành vi vi phạm đã phát hiện; tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa có sự chấp thuận của Hội đồng quản lý Quỹ gây ra các thiệt hại của Quỹ.

7. Trình Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiện toàn Ban Kiểm soát; khen thưởng, kỷ luật đối với các thành viên của Ban Kiểm soát theo quy định.

Điều 13. Ban Điều hành Quỹ

Ban Điều hành Quỹ gồm:

- Giám đốc Quỹ do Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm kiêm nhiệm;
- 01 Phó Giám đốc Quỹ do 01 Phó Chi cục trưởng Chi cục kiểm lâm kiêm nhiệm
- Bộ phận chuyên môn nghiệp vụ (Kế toán, cán bộ chuyên môn, thủ quỹ,...) do đội ngũ cán bộ, công chức Chi cục Kiểm lâm kiêm nhiệm; nhiệm vụ cụ thể của các thành viên Ban Điều hành do Giám đốc Quỹ phân công.

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Điều hành Quỹ

1. Tổ chức thực hiện các quyết định của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Trình Hội đồng quản lý Quỹ về kế hoạch tài chính, báo cáo quyết toán hàng năm theo quy định của pháp luật về tài chính kế toán hiện hành và tổ chức thực hiện sau khi đã được phê duyệt.

3. Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ sau khi có ý kiến của Phòng Tài chính Kế toán - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và ý kiến chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất về các hoạt động của Quỹ với Hội đồng quản lý Quỹ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam.

5. Trình Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiến toàn Ban Điều hành Quỹ; khen thưởng, kỷ luật đối với các thành viên của Ban Điều hành Quỹ theo quy định.

6. Thực hiện một số nhiệm vụ khác theo phân công của Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 15. Mối quan hệ với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam

1. Tiếp nhận, quản lý, sử dụng các nguồn tài chính, hỗ trợ kỹ thuật từ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam.

2. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam về quản lý, sử dụng kinh phí của Quỹ.

3. Báo cáo tình hình quản lý và sử dụng quỹ cho Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam để tổng hợp báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chương IV

NGUỒN TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 16. Nguồn tài chính hình thành Quỹ

1. Tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng; tiền ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo hợp đồng ủy thác liên quan đến bảo vệ và phát triển rừng.

2. Tiền trồng rừng thay thế do chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

3. Tiền viện trợ, tài trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước.

4. Nguồn hỗ trợ từ Quỹ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam.
5. Lãi tiền gửi các tổ chức tín dụng.
6. Các nguồn tài chính hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước.

Điều 17. Nội dung chi của Quỹ

1. Chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng; chi thực hiện các nhiệm vụ ủy thác theo hợp đồng ủy thác khác của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo hợp đồng ủy thác liên quan đến bảo vệ và phát triển rừng.

2. Chi tiền trồng rừng thay thế theo quy định từ nguồn kinh phí thu được do chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

3. Chi hỗ trợ cho các chương trình, dự án và các hoạt động phi dự án từ nguồn kinh phí viện trợ, tài trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước; nguồn hỗ trợ từ Quỹ trung ương; các nguồn tài chính hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước, bao gồm: hỗ trợ kinh phí để chống chặt phá rừng, kinh doanh, vận chuyển lâm sản trái phép; tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện chính sách pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng; thử nghiệm và phổ biến nhân rộng mô hình bảo vệ và phát triển rừng, quản lý rừng bền vững; thử nghiệm, ứng dụng giống cây lâm nghiệp mới; hỗ trợ trồng cây phân tán; phát triển lâm sản ngoài gỗ trên đất lâm nghiệp; đào tạo nguồn nhân lực cho việc bảo vệ và phát triển rừng ở cơ sở và hỗ trợ các hoạt động khác liên quan đến bảo vệ và phát triển rừng.

4. Chi hoạt động của bộ máy Quỹ từ nguồn kinh phí quản lý dịch vụ môi trường rừng; kinh phí quản lý được trích tối đa 10% tổng số tiền dịch vụ môi trường rừng thực thu trong năm để chi cho các hoạt động của bộ máy Quỹ. Mức trích cụ thể trong kế hoạch thu, chi hằng năm của Quỹ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 18. Phương thức, nội dung, phê duyệt hỗ trợ tài chính

1. Phương thức hỗ trợ

Hỗ trợ không hoàn lại toàn phần hoặc một phần vốn cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư việc thực hiện các chương trình, dự án và các hoạt động phi dự án theo các nội dung quy định tại Khoản 2, Điều này.

2. Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ kinh phí để chống chặt phá rừng, kinh doanh, vận chuyển lâm sản trái phép;

b) Tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện chính sách pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng;

c) Thử nghiệm và phổ biến nhân rộng mô hình bảo vệ và phát triển rừng, quản lý rừng bền vững;

d) Thử nghiệm, ứng dụng giống cây lâm nghiệp mới; hỗ trợ trồng cây phân tán;

đ) Phát triển lâm sản ngoài gỗ trên đất lâm nghiệp;

e) Đào tạo nguồn nhân lực cho việc bảo vệ và phát triển rừng ở cơ sở và hỗ trợ các hoạt động khác liên quan đến bảo vệ và phát triển rừng.

3. Phê duyệt hồ trợ tài chính

a) Trước ngày 31 tháng 12 hàng năm, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có nhu cầu hồ trợ gửi văn bản đề nghị hồ trợ, kèm theo văn kiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Ban Điều hành Quỹ;

b) Trước ngày 25 tháng 02 hàng năm, Ban Điều hành Quỹ chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức thẩm định, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ thông qua, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Giám đốc Quỹ thông báo trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được hồ trợ biết để triển khai thực hiện.

Chương V

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

Điều 19. Kinh phí hoạt động, phụ cấp của Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành Quỹ

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ, Ban Điều hành Quỹ được đảm bảo từ nguồn thu trích theo tỷ lệ 10% từ số tiền nhận ủy thác của các đối tượng phải chi trả dịch vụ môi trường rừng quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 70, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; từ nguồn kinh phí quản lý theo hợp đồng ủy thác; lãi tiền gửi và nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Nội dung chi, mức chi hoạt động bộ máy Quỹ thực hiện theo quy định hiện hành và Quy chế chi tiêu nội bộ do Ủy ban hành.

2. Các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ, Ban Điều hành Quỹ làm việc theo chế độ kiêm nhiệm được hưởng phụ cấp theo quy định và khả năng chi trả từ nguồn kinh phí hoạt động thực có của Quỹ.

Điều 20. Lập kế hoạch tài chính, báo cáo tài chính, quyết toán

1. Hàng năm, Quỹ lập kế hoạch tài chính gồm: Kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng và các nguồn tài chính khác; dự toán chi hoạt động của Quỹ thông qua Hội đồng Quản lý Quỹ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Hàng năm, Quỹ lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán theo quy định của Pháp luật về tài chính kế toán hiện hành; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xét duyệt báo cáo quyết toán đối với Quỹ trực thuộc Sở.

3. Việc giao quyền tự chủ tài chính cho Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh thực hiện theo quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác và văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 21. Chế độ kế toán, kiểm toán, quản lý tài sản và công khai tài chính

1. Thực hiện công tác kế toán theo chế độ kế toán hành chính sự nghiệp để thực hiện công tác kế toán.
2. Thực hiện quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn.
3. Khuyến khích thực hiện kiểm toán độc lập báo cáo tài chính.
4. Thực hiện công khai tài chính theo quy định pháp luật về tài chính hiện hành; khuyến khích thực hiện đánh giá độc lập kết quả thực hiện chính sách dịch vụ môi trường rừng.

Chương VI

XỬ LÝ TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ

Điều 22. Xử lý tranh chấp

Mọi tranh chấp giữa Quỹ với các tổ chức, cá nhân có liên quan được xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 23. Tổ chức lại hoặc giải thể Quỹ

Việc tổ chức lại hoặc giải thể Quỹ do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; các trường hợp khác thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Điều khoản thi hành

1. Giao Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan, các cơ quan, đơn vị là thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ tổ chức triển khai, theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện Quy chế này. Định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.